

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – THAY ĐỔI ĐỂ THÍCH NGHI

TS. Nguyễn Minh Đức

Trường Đại Học Nông Lâm TPHCM

Email: nmduc@hcmuaf.edu.vn, nguyenminhducts@gmail.com

Sau hơn 3 năm Việt Nam gia nhập WTO, ngành nông nghiệp Việt Nam đã ngày càng hội nhập nhiều hơn vào nền kinh tế thế giới. Qua đó, những thay đổi nhanh chóng trong môi trường vĩ mô cũng đã và đang tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản Việt Nam. Được thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng, những vấn đề của kinh tế vĩ mô như khủng hoảng tài chính thế giới, giá nhiên liệu tăng, giá vàng tăng, lạm phát tăng, những bất ổn và thiên tai dồn dập trên thế giới đang ngày càng được bàn tán và thảo luận nhiều hơn trong những buổi cơm gia đình ở các hộ nông dân. Quá trình hội nhập kinh tế thế giới đã mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho nông nghiệp và nông thôn Việt Nam. Ngành nông nghiệp Việt Nam cũng đã có và cần có thêm những thay đổi tích cực để tận dụng cơ hội và ứng phó với các thách thức mới.

Một số cơ hội và thuận lợi của nông nghiệp Việt Nam

Đúng theo những dự đoán trước đây, sự phục hồi của các nền kinh tế thế giới, đặc biệt ở các nước đang phát triển sau khủng hoảng tài chính thế giới cộng với những bất ổn, thiên tai, mất mùa đã làm gia tăng nhu cầu nông sản trên toàn cầu. Giá nông sản thế giới tăng góp phần trực tiếp vào việc tăng kim ngạch xuất khẩu của nông sản Việt Nam và tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Khủng hoảng tài chính ở các nước phát triển và sự phục hồi với tốc độ nhanh ở các nền kinh tế mới nổi góp phần mở rộng thị trường cho nông sản Việt Nam. Ngoài các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu, Trung Quốc và ASEAN, nông sản Việt Nam đã phát triển thêm những thị trường mới với qui mô khá lớn như Úc, Trung Đông hay Nam Phi. Hiện nay, các mặt hàng nông thủy sản Việt Nam đã được xuất sang hầu hết các nước trên thế giới.

Việc hội nhập kinh tế thế giới cũng đã giúp các nhà kinh doanh nông thủy sản tiếp cận được và rút ra nhiều bài học khi tiếp cận với các chính sách thương mại đa dạng ở nhiều thị trường khác nhau. Cùng với những nhận thức đó, cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2010 cũng buộc những nhà sản xuất kinh doanh nông thủy sản Việt Nam chú ý nhiều hơn đến thị trường nội địa khi các nhà đầu tư nước ngoài đang xem thị trường Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng phát triển. Thực tế cho thấy, thị trường nội địa cũng đã có những đóng góp tích cực vào việc phát triển nông nghiệp Việt Nam trong thời gian qua. Sự đầu tư của những doanh nghiệp nước ngoài vào hệ thống phân phối, bán lẻ nội địa, đặc biệt ở hình thức siêu thị, tạo ra một sự cạnh tranh đáng kể từ các hệ thống siêu thị nội địa như CoopMart, MaxiMark, Satra,... trong việc nâng cao năng lực phục vụ các nhu cầu hàng ngày của người dân, góp phần thúc đẩy tiêu thụ nông sản Việt Nam ngay tại thị trường nội địa. Ví dụ, với mặt hàng cá tra đông lạnh vốn trước đây chỉ sản xuất để xuất khẩu, tỷ lệ tỷ lệ tiêu thụ nội địa trong năm 2008 chỉ ở mức 8% tổng sản lượng, nhưng đến năm 2010, tỷ lệ này lên đến gần 25%.

Trong sản xuất, sự đầu tư của Nhà nước ở các cấp chính quyền qua các chương trình phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo, thủy lợi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải tạo giống, ... cùng với sự hỗ trợ ngày càng nhiều hơn của các tổ chức phi chính phủ cũng phát huy tác dụng đáng kể trong việc cải thiện năng suất nông nghiệp, góp phần cải thiện sinh kế và nâng cao đời sống nông dân. Năm 2010, năng suất trồng lúa ở Việt Nam đã vươn lên đứng đầu các nước ASEAN, trung bình đạt 5,3 tấn/ha/vụ. Đặc biệt ở những tỉnh nổi tiếng về nông nghiệp như An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, năng suất lúa trung bình lên đến 7,2 – 7,3 tấn/ha/vụ. Năng suất nuôi cá tra ở những tỉnh này cũng đạt những con số khó tin, trung bình 200-250 tấn/ha/vụ, thậm chí có những trại cá đạt năng suất 350-400 tấn/ha/vụ. Năng suất cao cũng đã góp phần tạo dựng những giá trị riêng cho ngành nông nghiệp Việt Nam khi một số sản phẩm nằm trong tốp đầu về sản lượng cung cấp cho toàn thế giới như cá tra, lúa, cà phê, hồ tiêu,....

Thách thức hiện nay của nông nghiệp Việt Nam

Hưởng lợi từ tư cách thành viên chính thức của WTO từ năm 2007, các nhà sản xuất kinh doanh nông thủy sản Việt Nam đã gia tăng sản lượng và mở rộng xuất khẩu đến tất cả các thị trường trên thế giới, trực tiếp cạnh tranh với các sản phẩm nông sản nội địa ở các thị trường đó và/hay những nông sản nhập khẩu từ các nước khác. Sự cạnh tranh gay gắt đó đã khiến họ phải đối mặt với nhiều chính sách thương mại mang tính bảo hộ ở nhiều thị trường khác nhau như những chính sách thuế nhập khẩu, thuế chống phá giá và tự vệ, các yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm và cả những yêu cầu khắt khe hơn về bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, chưa kể nhiều rủi ro trong thanh toán và tranh chấp quốc tế.

Được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất trên thế giới, sau khi gia nhập WTO, Việt Nam đã là điểm đến của nhiều tập đoàn bán lẻ trên thế giới. Thương mại tiêu dùng nội địa được thúc đẩy chuyển dịch từ cơ cấu sử dụng thực phẩm truyền thống sang những hình thức hiện đại hơn, chuyển dịch từ lựa chọn đơn giản sang lựa chọn phức tạp hơn. Cùng với thuế suất hải quan buộc phải giảm xuống khi Việt Nam gia nhập WTO, sự đa dạng trong nhu cầu thực phẩm đang được phục vụ tốt hơn bởi những tập đoàn bán lẻ toàn cầu, góp phần tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa những mặt hàng thực phẩm sản xuất trong nước và những sản phẩm ngoại nhập.

Nhu cầu nguyên liệu vật tư nông nghiệp nhập khẩu ở thị trường Việt Nam cũng đang tạo ra sự cạnh tranh cho nông sản Việt Nam ngay tại thị trường nội địa. Thậm chí nước ta còn nhập siêu nông sản từ Hoa Kỳ và Trung Quốc khi 80% nguồn nguyên liệu, vật tư cho nông nghiệp hiện nay như phân bón, thức ăn gia súc, thuốc thú y, và cả hạt giống, con giống phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài. Sự phụ thuộc đó cùng với tỷ giá VND/USD đang gia tăng, khiến cho giá nguyên liệu sản xuất nông nghiệp cũng tăng đáng kể, đã làm giảm tác dụng tích cực của việc gia tăng sản xuất nông nghiệp cũng như giảm hiệu quả của chính sách kích thích xuất khẩu nông sản thông qua việc giảm giá tiền đồng Việt Nam.

Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đang là hai thách thức rất lớn của nông nghiệp Việt Nam. Sự ồn ào (cho dù không đáng có) của vụ việc tổ chức WWF ở một số quốc gia châu Âu khuyến cáo người tiêu dùng không nên tiêu thụ cá tra là một hồi chuông cảnh báo về chất lượng tăng trưởng của ngành thủy sản, một ngành sản xuất luôn được cho là điểm sáng của nông nghiệp Việt Nam trong những năm gần đây. Các tổ chức trên cho rằng ngành sản xuất cá tra Việt Nam, với việc thâm canh hóa và sử dụng nhiều nguồn nguyên liệu và hóa chất từ nước ngoài, đang gây ra những mối nguy hiểm về môi trường cho cộng đồng dân cư Việt Nam cũng như đe dọa đến việc đa dạng sinh học, sự trong sạch của môi trường thiên nhiên và sự phát triển bền vững của chính ngành công nghiệp cá tra Việt Nam, liên quan đến hơn 1 triệu lao động trực tiếp trong ngành. Ngoài ra, việc phát triển thiếu qui hoạch của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản, cao su, mía đường, bột ngọt (sử dụng nguyên liệu chính là khoai mì) đã tạo ra một mối nguy hiểm thường trực và nghiêm trọng không chỉ cho ngành nông nghiệp mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt của những cộng đồng cư dân xung quanh khu vực sản xuất.

Biến đổi khí hậu là một thách thức nghiêm trọng khác của nông nghiệp nước ta khi Việt Nam được xác định là một trong năm nước bị tác động nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu. Đất canh tác khu vực ven biển đang bị thu hẹp bởi hiện tượng nước biển dâng, bão lụt nhiều hơn và nghiêm trọng hơn. Theo tổ chức WWF GreaterMekong, trong 50 năm qua, ở Việt Nam, mực nước biển trung bình đã dâng lên cao hơn 20cm, nhiệt độ trung bình đã tăng lên 0,5°C, bão lớn, lũ lụt, sạt lở đất cũng đang xuất hiện với cường độ mạnh hơn, thường xuyên hơn và khó dự báo hơn. Theo các kịch bản đã được các nhà khoa học dự báo, nếu nước biển dâng 65cm, 5.133 km² (chiếm 13% diện tích đất) ở Đồng bằng Sông Cửu Long sẽ bị ngập. Nếu nước biển dâng 1,0m, 15.116 km² (chiếm 38% diện tích đất) của đồng bằng này có nguy cơ chìm dưới mực nước biển. Nhiệt độ tăng và sự xâm nhập mặn còn đe dọa nghiêm trọng nguồn nước ngọt ngày càng khan hiếm không chỉ ở Đồng Bằng sông Cửu Long mà trải khắp đồng bằng sông Hồng và các dải đồng bằng ở miền Trung.

Sự suy giảm nguồn nước này không chỉ ở khối lượng nước bị thiếu đi 20% mà còn ở chỗ chất lượng nước bị thay đổi do nhiễm mặn, do nhiễm phèn, do ô nhiễm hữu cơ và thuốc trừ sâu do lượng nước ít đi làm suy giảm khả năng tự làm sạch của hệ thống sông nước vốn rất phong phú ở Việt Nam. Nghiêm trọng hơn, sự xói lở và mất đất canh tác đã được chứng kiến và xác nhận bởi người dân địa phương ở Cà Mau và Bến Tre. Sự xâm nhập mặn cũng đã được ghi nhận tại rất nhiều tỉnh thành ven biển Việt Nam, kể cả ở TPHCM, thậm chí đe dọa trực tiếp đến nguồn nước sinh hoạt của thành phố.

Nông nghiệp Việt Nam - Thay đổi để thích nghi

“Vươn ra biển lớn”, “chấp nhận luật chơi thế giới”, ... là những thuật ngữ đang phổ biến trên thông tin đại chúng hàng ngày. Nông nghiệp Việt Nam đang hội nhập với kinh tế thế giới, sự nhạy cảm với những thay đổi trong nền kinh tế vĩ mô cũng gia tăng, trong sản xuất và kinh doanh nông sản. Để tận dụng các cơ hội, giảm thiểu rủi ro thách thức, ngành nông nghiệp Việt Nam nên áp dụng hai chiến lược cơ bản trong kinh doanh quốc tế: tiêu chuẩn hóa và thích nghi hóa vào quá trình sản xuất kinh doanh của mình.

Tiêu chuẩn hóa:

- Nông sản Việt Nam phải được sản xuất theo những qui chuẩn được chấp nhận rộng rãi trên thế giới. Tinh thần “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” nên được nhấn mạnh thêm ở khía cạnh “tiêu chuẩn hóa” chứ không chỉ dừng lại ở mức “cơ giới hóa”. Mặc dù nhiều nông trại và nhà máy chế biến nông sản, thủy sản ở nước ta đã và đang đạt được các chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế, việc thực hiện các khuyến cáo theo các tiêu chuẩn này còn mang tính hình thức, phong trào, chưa thực chất do các chứng nhận này chỉ yêu cầu sự tự nguyện và áp dụng riêng rẽ khác nhau cho những thị trường xuất khẩu khác nhau. Việc xin cấp chứng nhận theo kiểu phong trào và mang tính hình thức này cùng với sự suy tàn của tập đoàn SEAPRODEX trước đây đã dẫn đến sự biến mất một cách đáng tiếc chứng nhận KCS của ngành thủy sản Việt Nam. Tạo ra một chứng nhận của riêng Việt Nam cho các sản phẩm của một ngành sản xuất

nông nghiệp có thể là một điều quá khó hiện nay, nhưng một bộ quy phạm quy định những tiêu chuẩn tối thiểu có tính chất khả thi cho một đơn vị hay cá thể kinh tế khi tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản nên là một mục tiêu cho việc chuẩn hóa sản xuất nông nghiệp.

- Việc tiêu chuẩn hóa cũng cần được thực hiện trong các công tác kế toán và ghi chép sổ sách thống kê của các doanh nghiệp và nông trại Việt Nam. Trong vụ kiện bán phá giá cá da trơn ở Hoa Kỳ, các doanh nghiệp Việt Nam có 21 ngày để trả lời phần A của bảng câu hỏi và có 37 ngày để hoàn tất bảng câu hỏi. Thế nhưng, chỉ có một vài doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng được yêu cầu vì thiếu dữ liệu. Một hệ thống dữ liệu đầy đủ và hệ thống kế toán rõ ràng theo các tiêu chuẩn quốc tế sẽ giúp các nhà sản xuất Việt Nam chủ động hơn trong việc đối phó với các rào cản thương mại quốc tế.

- Một hệ thống thống kê nông nghiệp theo những chuẩn mực quốc tế, công khai ở qui mô toàn quốc, với những dữ liệu chính xác được cung cấp bởi các doanh nghiệp và nông dân sẽ giúp cho các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu kinh tế, các cơ quan hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp có những cơ sở vững chắc hơn, toàn diện hơn. Các địa phương cũng cần xây dựng một hệ thống thống kê rõ ràng, đầy đủ hơn, thống nhất hơn, dễ tiếp cận và minh bạch hơn vừa giúp quản lý Nhà nước tốt hơn, vừa giúp các nhà nông, các doanh nghiệp có những cơ sở dữ liệu thích hợp cho các kế hoạch kinh doanh của họ, vừa giúp cho các nghiên cứu kinh tế thực hiện các dự báo chính xác hơn, hỗ trợ nhiều hơn cho việc phát triển bền vững của ngành nông nghiệp.

Thích nghi hóa:

- Nông sản Việt Nam đã có mặt hầu hết ở tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Mỗi quốc gia, mỗi khu vực, mỗi thị trường có những thị hiếu riêng, có những yêu cầu riêng và có những quy định luật lệ riêng. Do đó, nông sản Việt Nam được sản xuất theo những tiêu chuẩn và đáp ứng những yêu cầu riêng của từng thị trường. Cho dù việc thích nghi hóa này đã được nhiều doanh nghiệp kinh doanh nông sản Việt Nam áp dụng, chiến lược này đòi hỏi sự đóng góp dần than nhiều hơn từ

những nhà kinh tế, những nhà tiếp thị chuyên nghiệp để hỗ trợ cho nông dân Việt Nam, vốn chưa được đào tạo và tiếp cận nhiều về các khái niệm trong lĩnh vực marketing.

- Một khi đã đảm bảo những qui định, tiêu chuẩn cơ bản trong bộ quy phạm quốc gia cho từng ngành sản xuất nông nghiệp, các nông trại hay doanh nghiệp Việt Nam tùy vào thị trường mục tiêu mà áp dụng các bộ tiêu chuẩn quốc tế như BMPs, SQF, ISO9001, HACCP, GlobalGap,... hay mới đây là những chứng chỉ an toàn môi trường như MSC, FSC và ASC để thích nghi với những đòi hỏi của thị trường đó. Thậm chí, ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm cũng phải chuẩn bị để thích ứng với những yêu cầu chứng nhận an toàn sinh học đối với những sản phẩm nông nghiệp khi xuất vào thị trường Hoa Kỳ.

- Ngoài các tập đoàn sản xuất kinh doanh lớn đã kết hợp nhiều công đoạn trong chuỗi cung ứng nông sản vào một thương hiệu, việc hình thành những tập quán sản xuất lớn trong nông dân theo kiểu “công ty cổ phần nông nghiệp 1000 ha” ở An Giang hay những Hợp tác xã nuôi nghêu ở Bến Tre có thể là những hình mẫu để nghiên cứu thêm về những hình thức để có được những chứng nhận tiêu chuẩn riêng cho một khu vực canh tác rộng lớn, không chỉ ở những hộ nông dân, cơ sở nhỏ lẻ. Không chỉ giúp làm giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh, việc xây dựng những mô hình sản xuất tập thể có qui mô lớn, thông qua những tiêu chuẩn sản xuất cho một vùng sản xuất, còn có thể kết hợp với việc tạo ra những thương hiệu riêng, mang tính chỉ dẫn địa lý, cho nông sản Việt Nam. Điều này sẽ hỗ trợ rất nhiều cho việc marketing nông sản Việt Nam ở các thị trường trong và ngoài nước.

- Để đáp ứng các yêu cầu đa dạng của thị trường về chất lượng sản phẩm, các nhà sản xuất kinh doanh nông sản Việt Nam cũng cần xây dựng nhiều mô hình kết hợp ngành dọc với hai thành phần chủ yếu là doanh nghiệp chế biến và các nhóm nông dân dựa trên các hệ thống quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc để bảo đảm chất lượng nông sản cũng như giá trị thương hiệu riêng của từng doanh nghiệp. Trong các mô hình đó, vai trò của các doanh nghiệp chế biến là chủ đạo, các ngân hàng và các nhà

nghiên cứu sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho cả doanh nghiệp và các nhóm nông dân. Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu có thể xây dựng những bộ tiêu chuẩn chất lượng của doanh nghiệp cho từng sản phẩm và đặt hàng hoặc tổ chức cho một hay nhiều nhóm nông dân khác nhau cung cấp trong một thời hạn nhất định; sau đó hỗ trợ kỹ thuật và thu mua lại những sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo yêu cầu chất lượng của từng doanh nghiệp. Những mô hình kết hợp dọc này không chỉ đảm bảo đầu ra cho nông dân mà còn đảm bảo nguồn nguyên liệu cho doanh nghiệp chế biến, cũng như không loại bỏ những nông dân nhỏ ra khỏi chuỗi sản xuất, giảm thiểu tình trạng di dân từ nông thôn lên các đô thị do bị mất kế sinh nhai.

- Biến đổi khí hậu không còn là nguy cơ mà đã là một thực tế như đã nêu trong phần trên. Biến đổi khí hậu đã xảy ra và sẽ còn tiếp tục diễn ra trong tương lai. Sản xuất nông nghiệp không thể chống lại mà chỉ có thể thích ứng, thích nghi với biến đổi khí hậu. Việc sản xuất nông nghiệp bền vững hơn, ít sử dụng tài nguyên thiên nhiên hơn, thân thiện hơn với môi trường đang ngày càng được ủng hộ và nên được quảng bá nhiều hơn, đặc biệt ở những vùng dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu như những khu vực ven sông Cửu Long, những vùng canh tác ven biển. Bên cạnh đó, để giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu, tránh rủi ro cho nông dân Việt Nam và hướng đến việc phát triển bền vững, việc phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và áp dụng các mô hình sản xuất xanh, giảm thiểu sử dụng nguyên liệu và hóa chất nhập khẩu nên được ưu tiên nghiên cứu và phổ biến.

Ví dụ: một cơ chế đặc biệt để quản lý thủy văn hướng đến mô phỏng và tái tạo lại cả vùng sinh thái ngập nước Vườn Quốc Gia Tràm Chim (bao gồm cả việc tổ chức sản xuất canh tác, đảm bảo sinh kế cho cư dân trong vùng) hay những mô hình hợp tác xã nuôi và khai thác nghêu ở Bến Tre với chứng nhận MSC, một chứng nhận về khai thác thủy sản thân thiện môi trường, đã được đánh giá cao bởi những nhà khoa học, kinh tế và môi trường, Không chỉ bảo vệ được tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ được đa dạng sinh học và sinh vật quý hiếm, đặc trưng như sếu đầu đỏ, giống lúa trời Đồng Tháp Mười, giống nghêu Bến tre, ..., cơ chế phát triển sản xuất dựa trên việc thích

nghi với môi trường thiên nhiên cũng đã tạo điều kiện cho việc cải thiện sinh kế của những người nông dân tại chỗ, tránh việc di cư lên các thành phố, các khu đô thị lớn.

- Để thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình canh tác, các giống vật nuôi cây trồng thích nghi với điều kiện nhiễm mặn nên được đầu tư nghiên cứu và phát triển. Ngoài ra, khi diện tích nông nghiệp ngày càng thu hẹp do quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu, ngành nông nghiệp Việt Nam cũng nên tận dụng lợi thế địa lý của quốc gia trải dài trên suốt bờ biển Đông và ưu thế hiện có trong chế biến và xuất khẩu nông sản ra toàn cầu so với các nước láng giềng, khu vực sông Mekong. Các cấp chính quyền, ngân hàng, các nhà nghiên cứu cũng như các nhà hoạch định chính sách cần hỗ trợ việc mở rộng chuỗi sản xuất, mở rộng vùng canh tác nguyên liệu sang các nước láng giềng như Lào, Campuchia, Thái lan, Miến Điện và miền Nam Trung Quốc để tiết kiệm chi phí sản xuất; thậm chí vùng nguyên liệu có thể mở rộng xa hơn đến các quốc gia châu Phi hay Nam Mỹ để chủ động đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất nông nghiệp, hướng đến mục tiêu phát triển nông thôn, cải thiện sinh kế người dân thông qua việc chuyển đổi cơ cấu việc làm, gia tăng năng suất và giá trị sản xuất nông nghiệp. Việc đầu tư sản xuất nông nghiệp sang các nước lưu vực sông Mekong cùng với những cam kết theo đuổi những tiêu chuẩn sản xuất xanh và sạch hơn cũng giúp nông nghiệp Việt Nam chủ động thích ứng tốt hơn trước những thay đổi về môi trường và nguồn lợi nước sông Mekong.

Quá trình hội nhập kinh tế thế giới đã tạo ra những cơ hội và thách thức mới cho ngành nông nghiệp nước ta. Việc thay đổi để tận dụng các cơ hội, thay đổi để ứng phó với các thách thức và thay đổi để thích nghi với những thay đổi trong môi trường vĩ mô luôn biến động là một xu hướng tất yếu trong ngành nông nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững hơn, đáp ứng tốt hơn mục tiêu cải thiện sinh kế và nâng cao đời sống người dân Việt Nam.